

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
XÃ BÌNH CHUÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		Chênh lệch thu tăng	
		Chỉ tiêu	HĐND	(xã giao/tỉnh giao)	
		Tỉnh giao	Xã giao	Tuyệt đối	Tương đối
	TỔNG THU NSNN - XÃ BÌNH CHUÔNG	5.680.000	5.680.000	0	100,00
	Gồm: - Trung ương, Tỉnh hưởng	665.000	665.000	0	100,00
	- Xã hưởng	5.015.000	5.015.000	0	100,00
A	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	5.680.000	5.680.000	0	100,00
I	Cục thuế tỉnh thu	0	0		
*	Thu từ khu vực CTN và dịch vụ ngoài QĐ	0	0		
-	Thuế giá trị gia tăng	0	0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0		
-	Thuế tài nguyên	0	0		
*	Thu tiền sử dụng đất	0	0		
II	Thuế cơ sở 1 tỉnh Quảng Ngãi thu	5.472.000	5.472.000	0	100,00
1	Thu từ khu vực CTN và dịch vụ ngoài QĐ	3.515.000	3.515.000	0	100,00
-	Thuế giá trị gia tăng	1.628.000	1.628.000	0	100,00
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	380.000	380.000	0	100,00
-	Thuế tiêu thu đặc biệt	2.000	2.000	0	100,00
-	Thuế tài nguyên	1.505.000	1.505.000	0	100,00
2	Thu lệ phí trước bạ	1.000.000	1.000.000	0	100,00
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	10.000	0	100,00
4	Thuế thu nhập cá nhân	350.000	350.000	0	100,00
5	Thu phí và lệ phí	77.000	77.000	0	100,00
-	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường	1.710.000	1.710.000	0	100,00
6	Thu tiền sử dụng đất (bao gồm tiền đấu giá đất)	150.000	150.000	0	100,00
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	300.000	300.000	0	100,00
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	70.000	70.000	0	100,00
III	Thu khác ngân sách	100.000	100.000	0	100,00
-	Trong đó: Thu phạt An toàn giao thông	0	0	0	
IV	Thu tại xã	108.000	108.000	0	100,00
B	Thu bổ sung ngân sách tỉnh	73.494.000	73.494.000	0	100,00
1	Bổ sung cân đối	46.934.000	46.934.000	0	100,00
2	Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	11.522.000	11.522.000	0	100,00
3	Bổ sung có mục tiêu	15.038.000	15.038.000	0	100,00

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Phụ lục số 02

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	Số biên chế (người)	Tổng cộng dự toán năm 2026	Số biên chế (người)	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			Ghi chú (đơn vị thực hiện)
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						Chi con người	Chi hoạt động		Chi hoạt động	Mua sắm, sửa chữa	
	Tổng cộng		78.509.000	0	13.955.000	12.382.110	1.572.890	30.037.000	23.783.000	130.000	
A	Chi đầu tư phát triển		3.127.000								
I	Kế hoạch vốn đầu tư chưa phân khai danh mục chi tiết		3.127.000								
B	Chi thường xuyên	69	74.113.000		13.955.000	12.382.110	1.572.890	28.768.000	23.783.000	130.000	
I	Chi sự nghiệp kinh tế	5	4.445.650		846.650	740.000	106.650	3.599.000	370.000	0	
1	Chi tiền lương và hoạt động cho Trung tâm cung ứng dịch vụ công	5	896.650		846.650	740.000	106.650	50.000	50.000		
2	Kinh phí điện đường tuyến dọc đường TL622B		100.000					100.000	100.000		
3	Sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn		1.522.000		0	0	0	1.522.000	220.000	0	
-	Kinh phí Khuyến nông		120.000					120.000	120.000		
+	Chi tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho người dân		20.000					20.000	20.000		Trung tâm cung ứng dịch vụ
+	Chi thực hiện 3 mô hình khuyến nông		100.000					100.000	100.000		
-	Kinh phí Khuyến công		20.000					20.000	20.000		
+	Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển các sản phẩm OCOP		20.000					20.000	20.000		
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2026		80.000					80.000	80.000		
-	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP (Phòng Kinh tế)		786.000					786.000			
-	Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí		516.000					516.000			Phòng Kinh tế
+	HTX NN xã Bình Mỹ		316.000					316.000			
+	HTX DVNN xã Bình Chương		200.000					200.000			
4	Kinh phí thống kê đất đai năm 2025		15.026		0			15.026			
5	Kinh phí hoạt động trật tự an toàn giao thông trên địa bàn xã (Ban An toàn giao thông xã)		120.000					120.000			Ban ATGT
6	Chi Sự nghiệp kinh tế (chưa phân bổ)		1.791.974					1.791.974			
II	Chi sự nghiệp Môi trường		288.200					288.200			
1	Kinh phí ra quân trồng cây đầu năm		50.000					50.000			

TT	NỘI DUNG	Số biên chế (người)	Tổng cộng dự toán năm 2026	Số biên chế (người)	Chi thường xuyên				Chi không thường xuyên			Ghi chú (Đơn vị thực hiện)
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Chi con người	Chi hoạt động		Chi hoạt động	Mua sắm, sửa chữa		
2	Kinh phí thực hiện phân loại rác thải tại nguồn		20.000					20.000				Phòng Kinh tế
3	Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường, sự cố môi trường, bão lụt,...		128.200					128.200				
4	Chi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường		30.000					30.000				
5	Kinh phí vệ sinh môi trường trên địa bàn xã đón tết nguyên đán		30.000					30.000				
6	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9, Thực hiện Phong trào chống rác thải nhựa...		30.000					30.000				
III	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		138.000	-	-	-	-	138.000	88.000	50.000		
1	Chi nhuận bút phát thanh		10.000					10.000	10.000			Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
2	Chi thông tin, tuyên truyền, trang trí khánh tiết các kỳ họp HĐND, đối thoại, tiếp xúc cử tri, tang lễ		20.000					20.000	20.000			
3	Chi âm thanh, trang trí các ngày lễ lớn		20.000					20.000	20.000			
4	Chi hỗ trợ trang Fanpage		20.000					20.000	20.000		50.000	
5	Chi sửa chữa đài phát thanh		50.000					50.000				Trung tâm Cung ứng dịch vụ công
6	Chi các hoạt động phát thanh khác		18.000					18.000	18.000			
IV	Chi sự nghiệp Thể dục thể thao		210.000	0	0	0	0	210.000	210.000	-		
1	Kinh phí hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao (chưa phân bổ)		95.000		-			95.000	95.000	-		
2	Kinh phí tổ chức ngày hội Olympic toàn dân		15.000					15.000	15.000			Phòng VH-XH
3	Kinh phí hỗ trợ tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh		100.000					100.000	100.000			
V	Sự nghiệp văn hoá thông tin		172.000	0	0	0	0	172.000	172.000	0		
-	Chi tiền Internet các nhà văn hóa thôn		18.480					18.480	18.480			
-	Chi hoạt động của ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		20.000					20.000	20.000			
-	Chi tổ chức văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân Bình Ngô		70.000					70.000	70.000			
-	Chi điều tra khảo sát các di tích du lịch, di tích tín ngưỡng, di tích lịch sử trên địa bàn xã; kiểm tra các hoạt động văn hóa kinh doanh dịch vụ văn hóa		10.000					10.000	10.000			
-	Chi hoạt động của ban biên tập Website		30.000					30.000	30.000			
-	Chi công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình		10.000					10.000	10.000			
-	Chi công tác thông tin truyền thông		5.000					5.000	5.000			
-	Các hoạt động văn hóa khác		8.520					8.520	8.520			
VI	Sự nghiệp Giáo dục		29.258.000									Biểu mẫu

TT	NỘI DUNG	Số biên chế (người)	Tổng cộng dự toán năm 2026	Số biên chế (người)	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			Ghi chú (Đơn vị thực hiện)
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
						Chi con người	Chi hoạt động		Chi hoạt động	Mua sắm, sửa chữa	
VII	Sự nghiệp đào tạo		252.800	0	0	0	0	252.800	0	0	
-	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn		252.800		-			252.800			Phòng VH-XH
VIII	Chi đảm bảo xã hội		20.540.500	0	0	0	0	20.540.500	20.540.500	0	
1	Kinh phí Bảo trợ xã hội		8.353.000					8.353.000	8.353.000		
2	Kinh phí chế độ thù lao cá nhân chi trả BTXH		45.000					45.000	45.000		
3	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ chính sách		120.000					120.000	120.000		
4	Kinh phí tổ chức viếng hương và thăm các gia đình chính sách nhân dịp lễ, Tết Nguyên đán		80.000					80.000	80.000		
5	Kinh phí phục vụ dân sinh khi có thiên tai và kinh phí đảm bảo xã hội khác		30.000					30.000	30.000		Phòng VH-XH
6	Kinh phí thực hiện chức thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12/11/2019, số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019, số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022)		230.000					230.000	230.000		
7	Kinh phí thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ		42.000					42.000	42.000		Văn phòng HĐND &UBND xã
8	Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025)		90.000					90.000	90.000		
9	Trợ cấp mai táng phí người có công theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, 49/2015/QĐ-TTg và số 290/2025/QĐ-TTg (chi trả theo QĐ của UBND tỉnh)		47.000					47.000	47.000		
10	Kinh phí thuê xe đưa đón người có công đi điều dưỡng		10.000					10.000	10.000		
11	Kinh phí hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố (Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016)		8.000					8.000	8.000		Phòng VH-XH
12	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng		11.343.000					11.343.000	11.343.000		
13	Chi thăm và tổ chức tết trung thu cho các cháu thiếu nhi		48.000					48.000	48.000		
14	Chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác		29.500					29.500	29.500		
15	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo		65.000					65.000	65.000		Phòng Kinh tế
IX	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, các tổ chức chính trị xã hội	64	16.073.350	64	13.108.350	11.642.110	1.466.240	2.285.000	2.205.000	80.000	

TT	NỘI DUNG	Số biên chế (người)	Tổng cộng dự toán năm 2026	Số biên chế (người)	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên				Ghi chú (đơn vị thực hiện)
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Chi con người	Chi hoạt động		Chi hoạt động	Mua sắm, sửa chữa		
1	Chi quản lý hành chính Nhà nước	41	10.175.420	41	8.621.420	7.682.110	939.310	1.554.000	1.474.000	80.000		
1.1	HDND và UBND	15	4.777.650	15	3.513.650	3.170.000	343.650	1.264.000	1.184.000	80.000		
-	Hoạt động Hội đồng nhân dân xã		250.000		0			250.000	250.000			
-	Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân	3	128.730	3	68.730		68.730	60.000	60.000			
-	Ủy ban nhân dân xã		300.000		0			300.000	220.000	80.000		
-	Hoạt động của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	3	178.730	3	68.730		68.730	110.000	110.000			
-	Văn phòng HDND&UBND xã	6	3.851.460	6	3.307.460	3.170.000	137.460	544.000	544.000	0		
+	Lương và hoạt động		3.086.460	6	2.592.460	2.455.000	137.460	494.000	494.000		Văn phòng HDND&UBND	
+	Phụ cấp đại biểu HDND		215.000		215.000	215.000		0				
+	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách thôn		500.000		500.000	500.000		0				
+	Kinh phí đảm bảo công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở (Thông tư 55/2023/TT-BTC)		50.000					50.000	50.000			
-	Ban chỉ huy quân sự xã	3	68.730	3	68.730		68.730	0				
1.2	Phòng Kinh tế	13	2.680.840	13	2.580.840	2.283.010	297.830	100.000	100.000	0	Phòng Kinh tế	
1.3	Phòng Văn hóa- Xã hội	10	2.015.600	10	1.885.600	1.656.500	229.100	130.000	130.000	0		
-	Chi lương và hoạt động		1.890.600	10	1.760.600	1.531.500	229.100	130.000	130.000			
-	Kinh phí đối công tác tình nguyện xã hội		65.000		65.000	65.000					Phòng VH-XH	
-	Kinh phí chuyên trách Công nghệ TT (theo ND 179/2025)		60.000		60.000	60.000						
1.4	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3	701.330	3	641.330	572.600	68.730	60.000	60.000	0		
-	Trung tâm Phục vụ hành chính công		605.330	3	545.330	476.600	68.730	60.000	60.000			
-	Kinh phí hỗ trợ đối với các bộ công chức, viên chức người lao động làm việc tại bộ phận một cửa		96.000		96.000	96.000					TT HCC	
2	Khối Đảng	16	3.757.560	16	2.466.560	2.100.000	366.560	611.000	611.000	0		
2.1	Hoạt động chung của Đảng uỷ (bao gồm chế độ hoạt động của Đảng uỷ theo QĐ 42 của tỉnh uỷ: 50tr)		180.000		0			180.000	180.000			
2.2	Hoạt động của Thường trực Đảng uỷ		145.820		45.820		45.820	100.000	100.000			
2.3	Văn phòng Đảng uỷ	7	3.105.550	7	2.894.550	2.780.000	114.550	211.000	211.000	0		
-	Lương và hoạt động		2.425.550	7	2.214.550	2.100.000	114.550	211.000	211.000		Văn phòng Đảng uỷ	
-	Phụ cấp uỷ viên		230.000		230.000	230.000						
-	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách thôn		450.000		450.000	450.000						
2.4	Ban xây dựng Đảng	4	171.640	4	91.640		91.640	80.000	80.000			

TT	NỘI DUNG	Số biên chế (người)	Tổng cộng dự toán năm 2026	Số biên chế (người)	Chi thường xuyên				Chi không thường xuyên			Ghi chú (đơn vị thực hiện)
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Chi con người	Chi hoạt động		Chi hoạt động	Mua sắm, sửa chữa		
2.5	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	5	154.550	5	114.550		114.550	40.000	40.000			
3	Mặt trận và các hội đoàn thể	7	2.140.370	7	2.020.370	1.860.000	160.370	120.000	120.000	0		
-	Lương và hoạt động		1.390.370	7	1.270.370	1.110.000	160.370	120.000	120.000		UBMT TQVN xã	
-	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn		750.000		750.000	750.000						
X	Kinh phí khen thưởng		200.000		0			200.000			Phòng VH- XH	
XI	Chi khác ngân sách		110.000		0			110.000				
XII	Chi Quốc phòng		197.500	0	0	0	0	197.500	197.500	0		
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng		197.500		0			197.500	197.500		Văn phòng HDND&UBND	
XIII	Chi An ninh		655.000	-	-	-	-	655.000	-	-		
1	Kinh phí hoạt động an ninh		237.000					237.000			Công an xã	
2	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh		408.000					408.000			Văn phòng HDND&UBND	
3	Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân		10.000					10.000			UBMTTQVN xã	
XIV	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ trong năm		120.000					120.000				
XV	10% tiết kiệm chi để thực hiện chính sách an sinh xã hội		1.234.000									
XVI	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (chưa phân bổ)		218.000									

DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)



		Chi thường xuyên										Kinh phí không thường xuyên					Ghi chú
		Tổng	Quỹ lương phụ cấp theo mức lương 1,49 trđ/tháng	Quỹ lương, phụ cấp CCTL	Hoạt động	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Miễn học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Hỗ trợ chỉnh sách học sinh và giáo viên theo Nghị quyết 32/2021/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TT-LT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2023	Cộng	Kinh phí hoạt động và mua sắm, sửa chữa	Tổng cộng			
TT	Nội dung																
		Tổng cộng	27.465.600	15.966.000	9.215.600	2.284.000	342.840	28.000	54.000	446.000	95.000	46.000	669.000	780.560	29.258.000		
		Cấp Mầm non	7.411.300	4.020.000	2.351.300	1.040.000	-	28.000	6.000	92.000	-	16.848	142.848	-	7.554.148	-	
		Trường MN Bình Chương	3.310.300	1.770.000	1.036.300	504.000	-	20.960	4.050	46.000		16.848	87.858		3.398.158		
		Trường MN Bình Mỹ	4.101.000	2.250.000	1.315.000	536.000	-	7.040	1.950	46.000		-	54.990		4.155.990		
		Cấp Tiểu học	4.449.000	2.571.000	1.481.000	397.000	54.000	-	9.600	-	-	-	9.600	-	4.512.600	-	
		Trường TH Bình Mỹ	4.449.000	2.571.000	1.481.000	397.000	54.000		9.600				9.600		4.512.600		
		Cấp Trung học cơ sở	15.605.300	9.375.000	5.383.300	847.000	288.840	-	38.400	302.000	-	29.152	369.552	-	16.263.692	-	
		Trường TH&THCS Bình Chương	9.869.300	5.930.000	3.428.300	511.000	206.000		22.200	202.000		29.152	253.352		10.328.652		
		Trường THCS Bình Mỹ	5.736.000	3.445.000	1.955.000	336.000	82.840		16.200	100.000		-	116.200		5.935.040		
IV	Phòng Văn hóa- Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	52.000	95.000	-	147.000	-	147.000			
2	Miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	-				-			52.000			52.000		52.000			
3	Hỗ trợ chỉnh sách học sinh và giáo viên theo Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND								95.000			95.000		95.000	CMT		
V	Kinh phí còn lại chưa phân bổ											-	780.560	780.560			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	3.835.066	
A	Dự toán chi NSNN năm 2026	3.835.066	
I	Chi thường xuyên	2.580.840	
1	Chi con người	2.283.010	
	Tổng số biên chế được giao	13	
	Trong đó: Biên chế có mặt	13	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.453.900	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	829.110	
2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	297.830	
II	Chi không thường xuyên	1.254.226	
1	Kinh phí hoạt động của phòng Kinh tế	100.000	
2	Kinh phí chi sự nghiệp kinh tế	801.026	
-	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP	786.000	
-	Kinh phí thống kê đất đai năm 2025	15.026	
3	Chi sự nghiệp Môi trường	288.200	
-	Kinh phí ra quân trồng cây đầu năm	50.000	
-	Kinh phí thực hiện phân loại rác thải tại nguồn	20.000	
-	Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường, sự cố môi trường, bão lụt,...	128.200	
-	Chi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường	30.000	
-	Kinh phí vệ sinh môi trường trên địa bàn xã đón tết nguyên đán	30.000	
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9, Thực hiện Phong trào chống rác thải nhựa...	30.000	
4	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	65.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026**Đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND xã Bình Chương***(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)*

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	5.425.150	
I	Chi thường xuyên	3.555.650	
1	Hội đồng nhân dân xã	283.730	
1.1	Chi con người	215.000	
	Tổng số biên chế được giao	3	
	Trong đó: Biên chế có mặt	3	
-	Kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND	215.000	
1.2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	68.730	
2	Ủy ban nhân dân xã	68.730	
	Tổng số biên chế được giao	3	
	Trong đó: Biên chế có mặt	3	
-	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	68.730	
3	Văn phòng HĐND&UBND xã	3.134.460	
3.1	Chi con người	2.997.000	
	Tổng số biên chế được giao	6	
	Trong đó: Biên chế có mặt	6	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.563.180	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	891.820	
-	Kinh phí phụ cấp cán bộ KCT cấp thôn	500.000	
-	Kinh phí trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã)	42.000	
3.2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	137.460	
4	Ban chỉ huy quân sự xã	68.730	
	Tổng số biên chế được giao	3	
	Trong đó: Biên chế có mặt	3	
-	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	68.730	
II	Chi không thường xuyên	1.869.500	
1	Chi hoạt động của Hội đồng nhân dân	310.000	
-	Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã	250.000	
-	Kinh phí hoạt động của thường trực Hội đồng nhân dân xã	60.000	
2	Chi hoạt động của Ủy ban nhân dân	330.000	
-	Kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân xã	220.000	
-	Kinh phí hoạt động của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	110.000	
3	Chi hoạt động của Văn phòng HĐND&UBND xã	624.000	
-	Kinh phí hoạt động của Văn phòng HĐND&UBND xã	494.000	

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
-	Kinh phí đảm bảo công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở (Thông tư 55/2023/TT-BTC)	50.000	Kinh phí BS CMT NS tỉnh
-	Kinh phí mua bảo hiểm, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	80.000	
4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng	197.500	
5	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh	408.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	2.150.370	
I	Chi thường xuyên	2.020.370	
1	Chi con người	1.860.000	
	Tổng số biên chế được giao	7	
	Trong đó: Biên chế có mặt	7	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	706.800	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	403.200	
-	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn	750.000	
2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	160.370	
II	Chi không thường xuyên	130.000	
1	Kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	40.000	
2	Kinh phí hoạt động của Đoàn thanh niên xã	20.000	
3	Kinh phí hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ xã	20.000	
4	Kinh phí hoạt động của Hội Nông dân xã	20.000	
5	Kinh phí hoạt động của Hội Cựu chiến binh xã	20.000	
6	Kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	10.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Đảng ủy xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	3.757.560	
I	Chi thường xuyên	3.146.560	
1	Văn phòng Đảng ủy xã	2.940.370	
1.1	Chi con người	2.780.000	
	Tổng số biên chế được giao	7	
	Trong đó: Biên chế có mặt	7	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.337.180	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	762.820	
-	Kinh phí phụ cấp cấp ủy viên	230.000	
-	Kinh phí phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách th	450.000	
1.2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	160.370	
2	Ban xây dựng đảng	91.640	
	Tổng số biên chế được giao	4	
	Trong đó: Biên chế có mặt	4	
-	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	91.640	
3	Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	114.550	
	Tổng số biên chế được giao	5	
	Trong đó: Biên chế có mặt	5	
-	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	114.550	
II	Chi không thường xuyên	611.000	
1	Hoạt động của Văn phòng Đảng ủy xã	491.000	
-	Kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã	130.000	
-	Kinh phí hoạt động của Đảng ủy theo Quyết định 42 của tỉnh ủy	50.000	Kinh phí BSCMT NS tỉnh
-	Kinh phí hoạt động của thường trực Đảng ủy xã	100.000	
-	Kinh phí hoạt động của Văn phòng Đảng ủy xã	211.000	
2	Kinh phí hoạt động của Ban xây dựng đảng	80.000	
3	Kinh phí hoạt động của Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	40.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	701.330	
I	Chi thường xuyên	545.330	
1	Chi con người	476.600	
	Tổng số biên chế được giao	3	
	Trong đó: Biên chế có mặt	3	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	303.500	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	173.100	
2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	68.730	
II	Chi không thường xuyên	156.000	
1	Kinh phí một cửa theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	96.000	Kinh phí BS CMT NS tỉnh
2	Chi hoạt động	60.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Phòng Văn hóa- Xã hội xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	23.220.900	
I	Chi thường xuyên	1.825.600	
1	Chi con người	1.596.500	
	Tổng số biên chế được giao	10	
	Trong đó: Biên chế có mặt	10	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	975.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	556.500	
-	Kinh phí đội công tác tình nguyện	65.000	
2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	229.100	
II	Chi không thường xuyên	21.395.300	
1	Kinh phí chuyên trách công nghệ thông tin (theo NĐ179/2025)	60.000	Kinh phí BS CMT NS tỉnh
2	Kinh phí hoạt động của Phòng Văn hoá-Xã hội	130.000	
3	Kinh phí khen thưởng	200.000	
4	Kinh phí sự nghiệp văn hoá thông tin	172.000	
-	Chi tiền Internet các nhà văn hóa thôn	18.480	
-	Chi hoạt động của ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	20.000	
-	Chi tổ chức văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân Bính Ngọ	70.000	
-	Chi điều tra khảo sát các di tích du lịch, di tích tín ngưỡng, di tích lịch sử trên địa bàn xã; kiểm tra các hoạt động văn hóa kinh doanh dịch vụ văn hóa	10.000	
-	Chi hoạt động của ban biên tập Website	30.000	
-	Chi công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình	10.000	
-	Chi công tác thông tin truyền thông	5.000	
-	Các hoạt động văn hóa khác	8.520	
5	Kinh phí sự nghiệp giáo dục	147.000	
-	Miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	52.000	
-	Hỗ trợ chính sách học sinh và giáo viên theo Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND	95.000	
6	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	252.800	
-	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	252.800	
7	Chi đảm bảo xã hội	20.433.500	
-	Kinh phí Bảo trợ xã hội	8.353.000	

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
-	Kinh phí chế độ thù lao cá nhân chi trả BTXH	45.000	
-	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ chính sách	120.000	
-	Kinh phí tổ chức viếng hương và thăm các gia đình chính sách nhân dịp lễ, Tết Nguyên đán	80.000	
-	Kinh phí phục vụ dân sinh khi có thiên tai và kinh phí đảm bảo xã hội khác	30.000	
-	Kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12/11/2019, số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019, số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022)	230.000	
-	Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025)	90.000	
-	Trợ cấp mai táng phí người có công theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, 49/2015/QĐ-TTg và số 290/2025/QĐ-TTg (chi trả theo QĐ của UBND tỉnh)	47.000	
-	Kinh phí thuê xe đưa đón người có công đi điều dưỡng	10.000	
-	Kinh phí hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố (Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016)	8.000	
-	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	11.343.000	
-	Chi thăm và tổ chức tết trung thu cho các cháu thiếu nhi	48.000	
-	Chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác	29.500	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Công an xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	237.000	
	Dự toán chi NSNN năm 2026	237.000	
	Chi không thường xuyên	237.000	
-	Kinh phí hoạt động an ninh	237.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Ban an toàn giao thông xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	120.000	
	Chi không thường xuyên	120.000	
-	Kinh phí hoạt động trật tự an toàn giao thông trên địa bàn xã	120.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán chi NSNN năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	1.469.650	
I	Chi thường xuyên	846.650	
1	Chi con người	740.000	
	Tổng số biên chế được giao	5	
	Trong đó: Biên chế có mặt	5	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	471.200	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	268.800	
2	Chi hoạt động theo định mức sau khi trừ tiết kiệm chi	106.650	
II	Chi không thường xuyên	623.000	
1	Chi các hoạt động của trung tâm cung ứng dịch vụ công	50.000	
2	Kinh phí trả tiền điện và sửa chữa tuyến đường điện dọc đường TL622B	100.000	
3	Sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn	220.000	
-	Kinh phí Khuyến nông	120.000	
+	Chi tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho người dân	20.000	
+	Chi thực hiện 3 mô hình khuyến nông	100.000	
-	Kinh phí Khuyến công	20.000	
+	Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển các sản phẩm OCOP	20.000	
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2026	80.000	
4	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	138.000	
-	Chi nhuận bút phát thanh	10.000	
-	Chi thông tin, tuyên truyền, trang trí khánh tiết các kỳ họp HĐND, đối thoại, tiếp xúc cử tri, tang lễ	20.000	
-	Chi âm thanh, trang trí các ngày lễ lớn	20.000	
-	Chi hỗ trợ trang Fanpage	20.000	
-	Chi sửa chữa đài phát thanh	50.000	
-	Chi các hoạt động phát thanh khác	18.000	
5	Chi sự nghiệp Thể dục thể thao	115.000	
-	Kinh phí tổ chức ngày hội Olympic toàn dân	15.000	
-	Kinh phí hỗ trợ tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh	100.000	Kinh phí BS CMTNS tỉnh

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	Ghi chú
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	132.600	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	132.600	
-	Thu học phí	132.600	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	132.600	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	53.040	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	79.560	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	3.398.158	
I	Chi thường xuyên	3.310.300	
1	Chi con người	2.806.300	
	Tổng số biên chế được giao	20	
	Trong đó: Biên chế có mặt	20	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.770.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.036.300	
2	Chi hoạt động theo định mức	504.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	50.400	
II	Chi không thường xuyên	87.858	
1	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	20.960	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	4.050	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	46.000	
4	Kinh phí hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2023	16.848	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm non Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	Ghi chú
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
-	Thu học phí	137.475.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	54.990.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	82.485.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	4.155.990	
I	Chi thường xuyên	4.101.000	
1	Chi con người	3.565.000	
	Tổng số biên chế được giao	23	
	Trong đó: Biên chế có mặt	23	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	2.250.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.315.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	536.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	53.600	
II	Chi không thường xuyên	54.990	
1	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	7.040	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	1.950	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	46.000	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Tiểu học Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	Ghi chú
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	292.500	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	292.500	
-	Thu học phí	292.500	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	292.500	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	117.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	175.500	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	4.512.600	
I	Chi thường xuyên	4.449.000	
1	Chi con người	4.052.000	
	Tổng số biên chế được giao	23	
	Trong đó: Biên chế có mặt	23	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	2.571.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.481.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	397.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	39.700	
II	Chi không thường xuyên	63.600	
-	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	54.000	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	9.600	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường TH&THCS Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	Ghi chú
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	433.160	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	433.160	
-	Thu học phí	433.160	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	433.160	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	173.264	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	259.896	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	10.328.652	
I	Chi thường xuyên	9.869.300	
1	Chi con người	9.358.300	
	Tổng số biên chế được giao	47	
	Trong đó: Biên chế có mặt	47	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	5.930.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	3.428.300	
2	Chi hoạt động theo định mức	511.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	51.100	
II	Chi không thường xuyên	459.352	
1	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	206.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	22.200	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	202.000	
4	Kinh phí hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2023	29.152	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường THCS Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2026	Ghi chú
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	250.900	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	250.900	
-	Thu học phí	250.900	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	250.900	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	100.360	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	150.540	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	5.935.040	
I	Chi thường xuyên	5.736.000	
1	Chi con người	5.400.000	
	Tổng số biên chế được giao	27	
	Trong đó: Biên chế có mặt	27	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	3.445.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.955.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	336.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	33.600	
II	Chi không thường xuyên	199.040	
1	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	82.840	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	16.200	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	100.000	

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND xã Bình Chương
Mã quan hệ ngân sách: 1161160

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					5.425.150.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (Mã nguồn: 12)	3.555.650.000	
1				Hội đồng nhân dân xã	283.730.000	
1.1	830	340	341	Chi con người	215.000.000	
-				Phụ cấp đại biểu HĐND	215.000.000	
1.2	830	340	341	Chi hoạt động theo định mức	68.730.000	
-				Kinh phí hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã	68.730.000	
2				Ủy ban nhân dân xã	68.730.000	
-	830	340	341	Kinh phí hoạt động của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã theo định mức	68.730.000	
3				Văn phòng HĐND và UBND	3.203.190.000	
3.1				Chi con người	2.997.000.000	
-	830	340	341	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.563.180.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	891.820.000	
-				Kinh phí phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách thôn	500.000.000	
-	830	370	374	Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã)	42.000.000	
3.2	830	340	341	Kinh phí chi hoạt động của văn phòng HĐND và UBND theo định mức	137.460.000	
3.3	830	010	011	Chi hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã theo định mức	68.730.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	1.869.500.000	
1	830	340	341	Kinh phí chi hoạt động của Hội đồng nhân dân và thường trực Hội đồng nhân dân xã	310.000.000	
2				Kinh phí chi hoạt động của Ủy ban nhân dân và Lãnh đạo uỷ ban nhân dân xã	330.000.000	
3				Kinh phí chi hoạt động của Văn phòng Hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân xã	494.000.000	
4				Kinh phí đảm bảo công tác phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở (Thông tư 55/2023/TT-BTC)	50.000.000	
5				Kinh phí mua bảo hiểm, bảo trì, sửa chữa xe ô tô	80.000.000	
6	830	010	011	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng	197.500.000	

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
7	830	040	041	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh	408.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt nam xã Bình Chương
Mã quan hệ ngân sách: 1162867

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)
ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					2.150.370.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	2.020.370.000	
1				Chi con người	1.860.000.000	
-	820	340	361	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	706.800.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	403.200.000	
-				Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn	750.000.000	
2				Chi hoạt động	160.370.000	
-	820	340	361	Kinh phí hoạt động của Mặt trận và các hội đoàn thể theo định mức	160.370.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	130.000.000	
1	820	340	361	Kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã	40.000.000	
2				Kinh phí hoạt động của Đoàn thanh niên xã	20.000.000	
3				Kinh phí hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ xã	20.000.000	
4				Kinh phí hoạt động của Hội Nông dân xã	20.000.000	
5				Kinh phí hoạt động của Hội Cựu chiến binh xã	20.000.000	
6				Kinh phí hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	10.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Thi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng đảng ủy xã Bình Chương

Mã quan hệ ngân sách: 1161386

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					3.757.560.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	3.146.560.000	
1				Văn phòng Đảng ủy xã	2.940.370.000	
1.1	819	340	351	Chi con người	2.780.000.000	
-				Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.337.180.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	762.820.000	
-				Kinh phí phụ cấp cấp ủy viên	230.000.000	
-				Kinh phí phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách thôn	450.000.000	
1.2	819	340	351	Kinh phí hoạt động của Đảng ủy theo định mức	160.370.000	
2	819	340	351	Kinh phí hoạt động của Ban xây dựng Đảng theo định mức	91.640.000	
3	819	340	351	Kinh phí hoạt động của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy theo định mức	114.550.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	611.000.000	
1	819	340	351	Kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã	130.000.000	
2				Kinh phí hoạt động của Đảng ủy theo Quyết định 42 của tỉnh ủy	50.000.000	
3				Kinh phí hoạt động của thường trực Đảng ủy xã	100.000.000	
4				Kinh phí hoạt động của Văn phòng Đảng ủy xã	211.000.000	
5				Kinh phí hoạt động của Ban xây dựng đảng	80.000.000	
6				Kinh phí hoạt động của Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	40.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Trung tâm Phục vụ hành chính công
Mã quan hệ ngân sách: 1158532

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					701.330.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	545.330.000	
1	833	340	341	Chi con người	476.600.000	
-				Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	303.500.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	173.100.000	
2	833	340	341	Chi hoạt động	68.730.000	
-				Chi hoạt động thường xuyên theo định mức	68.730.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	156.000.000	
1	833	340	341	Kinh phí một cửa theo Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	96.000.000	
2				Chi hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính công xã Bình Chương	60.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Thi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Võ Văn Tâm

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Phòng Văn hoá - Xã hội xã Bình Chương
Mã quan hệ ngân sách: 1160738

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					23.220.900.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	1.825.600.000	
1	832	340	341	Chi con người	1.596.500.000	
-				Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	975.000.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	556.500.000	
				Kinh phí phụ cấp đội công tác tình nguyện	65.000.000	
2	832	340	341	Chi hoạt động	229.100.000	
-				Chi hoạt động thường xuyên theo định mức	229.100.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	21.395.300.000	
1	832	340	341	Kinh phí chuyên trách công nghệ thông tin (theo NĐ179/2025)	60.000.000	
2	832	340	341	Kinh phí hoạt động của Phòng Văn hoá-Xã hội	130.000.000	
3	832	340	341	Kinh phí khen thưởng	200.000.000	
4	832	160	161	Kinh phí sự nghiệp văn hoá thông tin	172.000.000	
-				Chi tiền Internet các nhà văn hóa thôn	18.480.000	
-				Chi hoạt động của ban chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	20.000.000	
-				Chi tổ chức văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân Bình Ngô	70.000.000	
-				Chi điều tra khảo sát các di tích du lịch, di tích tín ngưỡng, di tích lịch sử trên địa bàn xã; kiểm tra các hoạt động văn hóa kinh doanh dịch vụ văn hóa	10.000.000	
-				Chi hoạt động của ban biên tập Website	30.000.000	
-				Chi công tác gia đình, phòng chống bạo lực gia đình	10.000.000	
-				Chi công tác thông tin truyền thông	5.000.000	
-				Các hoạt động văn hóa khác	8.520.000	
5	832	070	098	Kinh phí sự nghiệp giáo dục	147.000.000	
-				Miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	52.000.000	
-				Hỗ trợ chính sách học sinh và giáo viên theo Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND	95.000.000	
6	832	070	083	Kinh phí sự nghiệp đào tạo	252.800.000	
				Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	252.800.000	

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
7				Chi đảm bảo xã hội	20.433.500.000	
-	832	370	371	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	11.343.000.000	
-				Trợ cấp mai táng phí người có công theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, 49/2015/QĐ-TTg và số 290/2025/QĐ-TTg	47.000.000	
-				Kinh phí tổ chức viếng hương và thăm các gia đình chính sách nhân dịp lễ, Tết Nguyên đán	80.000.000	
-				Kinh phí thuê xe đưa đón người có công đi điều dưỡng	10.000.000	
-	832	370	372	Kinh phí hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố (Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016)	8.000.000	
-	832	370	398	Kinh phí Bảo trợ xã hội	8.353.000.000	
-				Kinh phí chế độ thù lao cá nhân chi trả BHXH	45.000.000	
-				Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ chính sách	120.000.000	
-				Kinh phí phục vụ dân sinh khi có thiên tai và kinh phí đảm bảo xã hội khác	30.000.000	
-				Kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 12/11/2019, số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019, số 92/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022)	230.000.000	
-				Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 22/8/2025)	90.000.000	
-				Chi thăm và tổ chức tết trung thu cho các cháu thiếu nhi	48.000.000	
-				Chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác	29.500.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Phòng Kinh tế xã Bình Chương

Mã quan hệ ngân sách: 1157821

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					3.835.066.000	
I				Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	2.580.840.000	
1	831	340	341	Chi con người	2.283.010.000	
-				Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.453.900.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	829.110.000	
2	831	340	341	Chi hoạt động	297.830.000	
-				Chi hoạt động thường xuyên theo định mức	297.830.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	1.254.226.000	
1	831	340	341	Kinh phí hoạt động của phòng Kinh tế	100.000.000	
2				Kinh phí chi sự nghiệp kinh tế	801.026.000	
	831	280	281	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP	786.000.000	
	831	340	341	Kinh phí thống kê đất đai năm 2025	15.026.000	
3				Chi sự nghiệp Môi trường	288.200.000	
-	831	250	278	Kinh phí ra quân trồng cây đầu năm	50.000.000	
-				Kinh phí thực hiện phân loại rác thải tại nguồn	20.000.000	
-				Xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, các điểm nóng môi trường, sự cố môi trường, bão lụt,...	128.200.000	
-				Chi tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường	30.000.000	
-				Kinh phí vệ sinh môi trường trên địa bàn xã đón tết nguyên đán	30.000.000	
-				Kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5/6, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 22/9, Thực hiện Phong trào chống rác thải nhựa...	30.000.000	
4	831	370	398	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	65.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Thu Thi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công Xã Bình Chương
Mã quan hệ ngân sách: 1144928

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng cộng					1.469.650.000	
I	821	280	338	Dự toán chi thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	846.650.000	
1				Chi con người	740.000.000	
-				Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	471.200.000	
-				Kinh phí cải cách tiền lương	268.800.000	
2				Chi hoạt động theo định mức	106.650.000	
II				Dự toán chi không thường xuyên giao trong năm (mã nguồn: 12)	623.000.000	
1	821	280	338	Chi các hoạt động của trung tâm cung ứng dịch vụ công	50.000.000	
2	821	280	338	Kinh phí trả tiền điện và sửa chữa tuyến đường điện dọc đường TL622B	100.000.000	
3				Sự nghiệp Nông nghiệp và phát triển nông thôn	220.000.000	
-	821	280	281	Kinh phí Khuyến nông	120.000.000	
+				Chi tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho người dân	20.000.000	
+				Chi thực hiện 3 mô hình khuyến nông	100.000.000	
-	821	280	309	Kinh phí Khuyến công	20.000.000	
+			+	Chi hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển các sản phẩm OCOP	20.000.000	
-	821	280	281	Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2026	80.000.000	
4	821	190	191	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	138.000.000	
-			-	Chi nhuận bút phát thanh	10.000.000	
-			-	Chi thông tin, tuyên truyền, trang trí khánh tiết các kỳ họp HĐND, đối thoại, tiếp xúc cử tri, tang lễ	20.000.000	
-			-	Chi âm thanh, trang trí các ngày lễ lớn	20.000.000	
-			-	Chi hỗ trợ trang Fanpage	20.000.000	
-			-	Chi sửa chữa đài phát thanh	50.000.000	
-			-	Chi các hoạt động phát thanh khác	18.000.000	

TT	Mã Chương	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
5	821	220	221	Chi sự nghiệp Thể dục thể thao	115.000.000	
-				Kinh phí tổ chức ngày hội Olympic toàn dân	15.000.000	
-				Kinh phí hỗ trợ tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh	100.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm Non Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Trường Mầm Non Bình Chương: 1113624 Chương 822, khoản 071		
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	132.600.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	132.600.000	
-	Thu học phí	132.600.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	132.600.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	53.040.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	79.560.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	3.398.158.000	
I	Kinh phí chi thường xuyên (mã nguồn 12)	3.310.300.000	
1	Chi con người	2.806.300.000	
	Tổng số biên chế được giao	20	
	Trong đó: Biên chế có mặt	20	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	1.770.000.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.036.300.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	504.000.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	50.400.000	
II	Kinh phí chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	87.858.000	
1	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	20.960.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	4.050.000	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	46.000.000	
4	Kinh phí hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2023	16.848.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thi



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường Mầm Non Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Trường Mầm Non Bình Mỹ: 1130838, chương 822, khoản 071		
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
-	Thu học phí	137.475.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	137.475.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	54.990.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	82.485.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	4.155.990.000	
I	Chi thường xuyên (mã nguồn 12)	4.101.000.000	
1	Chi con người	3.565.000.000	
	Tổng số biên chế được giao	23	
	Trong đó: Biên chế có mặt	23	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	2.250.000.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.315.000.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	536.000.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	53.600.000	
II	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	54.990.000	
1	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ	7.040.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	1.950.000	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	46.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thi

Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Trường Tiểu học Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: đồng

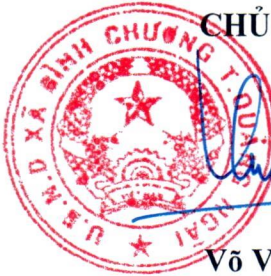
TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Trường Tiểu học Bình Mỹ: 1128739, Chương 822, khoản 072		
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	292.500.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	292.500.000	
-	Thu học phí	292.500.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	292.500.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	117.000.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	175.500.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	4.512.600.000	
I	Chi thường xuyên (mã nguồn 12)	4.449.000.000	
1	Chi con người	4.052.000.000	
	Tổng số biên chế được giao	23	
	Trong đó: Biên chế có mặt	23	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	2.571.000.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.481.000.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	397.000.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	39.700.000	
II	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	63.600.000	
-	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	54.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	9.600.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thi

Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường TH&THCS Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Trường TH&THCS Bình Chương: 1128742, chương 822, khoản 073		
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	433.160.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	433.160.000	
-	Thu học phí	433.160.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	433.160.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	173.264.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	259.896.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	10.328.652.000	
I	Chi thường xuyên (mã nguồn 12)	9.869.300.000	
1	Chi con người	9.358.300.000	
	Tổng số biên chế được giao	47	
	Trong đó: Biên chế có mặt	47	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	5.930.000.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	3.428.300.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	511.000.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	51.100.000	
II	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	459.352.000	
1	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	206.000.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	22.200.000	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	202.000.000	
4	Kinh phí hỗ trợ học bổng cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT-BXH-BTC ngày 31/12/2023	29.152.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thi



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Trường THCS Bình Mỹ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Trường THCS Bình Mỹ: 1081208, chương 822, khoản 073		
A	Dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp	250.900.000	
I	Số thu hoạt động sự nghiệp	250.900.000	
-	Thu học phí	250.900.000	
II	Số chi từ hoạt động sự nghiệp	250.900.000	
-	Trích 40% thu học phí để thực hiện cải cách tiền lương	100.360.000	
-	60% chi hoạt động của đơn vị	150.540.000	
B	Dự toán chi NSNN năm 2026	5.935.040.000	
I	Chi thường xuyên (mã nguồn 12)	5.736.000.000	
1	Chi con người	5.400.000.000	
	Tổng số biên chế được giao	27	
	Trong đó: Biên chế có mặt	27	
-	Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương	3.445.000.000	
-	Kinh phí cải cách tiền lương	1.955.000.000	
2	Chi hoạt động theo định mức	336.000.000	
	Trong đó: Tiết kiệm 10% chi hoạt động để thực hiện cải cách tiền lương	33.600.000	
II	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	199.040.000	
1	Kinh phí phụ cấp giáo viên dạy học sinh khuyết tật	82.840.000	
2	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	16.200.000	
3	Kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	100.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Thi



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

Mẫu biểu số 06

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Công an xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Công an xã Bình Chương: 1053629, Chương 809, khoản 041		
	Dự toán chi NSNN năm 2026	237.000.000	
	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	237.000.000	
1	Kinh phí hoạt động an ninh	237.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi

CHỦ TỊCH



Võ Văn Tâm

Tỉnh Quảng Ngãi
Xã Bình Chương

Mẫu biểu số 06

PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
Đơn vị: Ban An toàn giao thông xã Bình Chương

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

DVT: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Mã đơn vị: Ban An toàn giao thông xã Bình Chương: 3035677 Chương 989, khoản 428		
	Dự toán chi NSNN năm 2026	120.000.000	
	Chi không thường xuyên (mã nguồn 12)	120.000.000	
1	Kinh phí hoạt động trật tự an toàn giao thông trên địa bàn xã	120.000.000	

Bình Chương, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Thu Thi



CHỦ TỊCH

Võ Văn Tâm

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Chưa phân bổ

(Kèm theo Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Chương)

ĐVT: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	Tổng cộng	9.261.534	
	Dự toán chi NSNN năm 2026 (nguồn chưa phân bổ)	9.261.534	
1	Chi sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ	1.791.974	
2	Kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí	516.000	
-	HTX NN xã Bình Mỹ	316.000	
-	HTX DVNN xã Bình Chương	200.000	
3	Kinh phí hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao	95.000	
4	Chi khác ngân sách	110.000	
5	Nguồn thực hiện một số nhiệm vụ trong năm	120.000	
6	Nguồn 10% tiết kiệm chi để thực hiện chính sách an sinh xã hội	1.234.000	
7	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách xã, thôn, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (chưa phân bổ)	218.000	
8	Kinh phí SN giáo dục (chưa phân bổ)	780.560	
9	Dự phòng chi	1.269.000	
10	Chi đầu tư	3.127.000	